

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/DS-ST
Ngày: 16-9-2025
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trình
Ông Mai Văn Du
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng là thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng - cơ sở 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Trụ sở: Số H đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (cũ), nay là Số H đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Tầng D, Số A đường P, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình L và ông Nguyễn Lê Anh T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ liên lạc: Tầng E, A P, thành phố Đà Nẵng (Theo văn bản ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025 và văn bản ủy quyền số 225107/2025/UQN-VPBank ngày 10/7/2025) (Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Công ty Cổ phần M. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, Số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội (cũ), nay là: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Tầng E, Số A đường P, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn C – Chuyên viên cao cấp xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số 18507/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 09/7/2025) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **La Vĩnh T2**, sinh năm: 1993. Địa chỉ: P, khu A, Chung cư P, tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là P301, khu A, Chung cư P, tổ A, phường C, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng V), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V là ông Trần Đình L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty M) là ông Lương Văn C trình bày:*

Ông La Vĩnh T2 có vay vốn của Ngân hàng V theo các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHD (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329): vay số tiền 870.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân số tiền vay. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu FORD, Ranger Raptor, 2.0L, AT, 4x4 sản xuất mới 100%. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 7,9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (Thời gian cố định). Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp là ngày đầu gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm). Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào các ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của V1 thì ngày điều chỉnh lãi suất là ngày làm việc đầu tiên liên sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân thời hạn 96 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn có hiệu lực tại thời điểm chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm.

Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Phụ lục 01 đăng ký cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảo hiểm bảo an chủ thẻ tín dụng ngày 08/7/2024 (kí hiệu số 104-P-8609285) tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ: Hạn mức đề nghị: 42.000.000 đồng, loại thẻ: MC StepUp Credit, mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn: Theo biểu lãi suất cho vay do Ngân hàng V quy định qua từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

- **Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là:** 01 chiếc xe ô tô con 5 chỗ ngồi, nhãn hiệu: FORD, số loại: RANGER, số máy: YN2RRX607953, số khung: MPBAMFE60RX607953, màu trắng, biển số đăng ký 43C-295.90; theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 013700 do Phòng C1 – Công an T4 cấp ngày 08/07/2024”; đứng tên ông La Vĩnh T2. Tài sản bảo đảm này được

thể chấp theo Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 ký kết giữa ông La Vĩnh T2 với V1, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật để thu hồi toàn bộ khoản vay. Việc đăng ký giao dịch đảm bảo được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi giải ngân, quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, ông La Vĩnh T2 đã đóng được gốc: 54.728.001 đồng và lãi: 34.894.415 đồng. Ông La Vĩnh T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 16/02/2025 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông La Vĩnh T2 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn và cũng tạo điều kiện về thời gian để ông La Vĩnh T2 trả nợ, tuy nhiên, ông vẫn không thực hiện, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng V đã khởi kiện ông La Vĩnh T2, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông La Vĩnh T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 11/4/2025 là: 872.710.128 đồng (Bằng chữ: T3 trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm mười nghìn, một trăm hai mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc 815.471.999 đồng; Nợ lãi 15.198.188 đồng; Nợ thẻ tín dụng : 42.039.941 đồng.

- Buộc ông La Vĩnh T2 phải trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông La Vĩnh T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của ông La Vĩnh T2 là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu FORD, Ranger Raptor, 2.0L, AT, 4x4, Biển số đăng ký: 43C-295.90, có số khung: MPBAMFE60RX607953, số máy: YN2RRX607953, đứng tên ông La Vĩnh T2 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 08/07/2024 theo Hợp đồng thế chấp Số LN2406212998329 ký ngày 08/07/2024 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, ngày 21/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng nhận được Công văn số 8107/2025/CV-XLN-Jupiter đề ngày 09/7/2025 của Công ty CP M về việc chuyển quyền, kèm theo là hợp đồng chuyển nhượng số 31/2025/VPB-Jupiter ngày 27/6/2025 kèm phụ lục 01 danh sách khoản nợ; hợp đồng chuyển nhượng số 32/2025/VPB-Jupiter ngày 27/6/2025 kèm phụ lục 01 danh sách quyền đòi nợ. Theo đó, Ngân hàng V đồng ý bán và Công ty M đồng ý mua một phần khoản nợ phát sinh theo các hợp đồng tín dụng/ hợp đồng cho vay ký giữa Ngân hàng V và ông La Vĩnh T2, cụ thể:

- Một phần (95%) khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329).

- Toàn bộ khoản nợ phát sinh theo Phụ lục 1 đăng ký cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảo hiểm bảo an chủ thẻ tín dụng ngày 08/7/2024 (kí hiệu số 104-P-8609285) theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ông La Vĩnh T2 với V1.

Ngày 11/9/2025, nguyên đơn Công ty M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối

với toàn bộ khoản nợ phát sinh theo Phụ lục 01 đăng ký cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảo hiểm bảo an chủ thẻ tín dụng ngày 08/7/2024 (kí hiệu số 104-P-8609285) tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty M đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông La Vĩnh T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/09/2025 là: 877.298.654 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 815.271.999 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.641.308 đồng; Nợ lãi quá hạn: 56.385.347 đồng; Cụ thể:

+ Buộc ông La Vĩnh T2 phải thanh toán cho V1 (5%) Nợ khoản vay LN2406212998329 tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/09/2025 là: 43.864.932 đồng (Trong đó Nợ gốc: 40.763.600 đồng; Nợ lãi trong hạn: 282.065 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.819.267 đồng).

+ Buộc ông La Vĩnh T2 phải thanh toán cho Công ty M (95%) Nợ khoản vay LN2406212998329 tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2025 là: 833.433.722 đồng (trong đó Nợ gốc: 774.508.399 đồng, N lãi trong hạn: 5.359.243 đồng và lãi quá hạn: 53.566.080 đồng).

- Buộc ông La Vĩnh T2 tiếp tục chịu lãi từ ngày 17/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trường hợp không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V và Công ty M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 chiếc xe ô tô con 5 chỗ ngồi, nhãn hiệu: FORD, số loại: RANGER, số máy: YN2RRX607953, số khung: MPBAMFE60RX607953, màu trắng, biển số đăng ký 43C-295.90; theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 013700 do Phòng C1 – Công an T4 cấp ngày 08/07/2024”; đứng tên ông La Vĩnh T2 để thu hồi nợ cho Ngân hàng V và Công ty M.

Đối với số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng: Ngân hàng V và Công ty M yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V số tiền $5\% \times 3.000.000 = 150.000$ đồng và cho Công ty M $95\% \times 3.000.000 = 2.850.000$ đồng.

Đối với bị đơn ông La Vĩnh T2: Mặc dù ông La Vĩnh T2 đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông La Vĩnh T2 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện

đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về địa vị tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025 của nguyên đơn Ngân hàng V yêu cầu bị đơn ông La Vĩnh T2 thanh toán số tiền nợ vay theo Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329) và Phụ lục 01 đăng ký cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảo hiểm bảo an chủ thẻ tín dụng ngày 08/7/2024 (kí hiệu số 104-P-8609285) tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ngày 27/6/2025, Ngân hàng V và Công Jupiter đã ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 31/2025/VPB-Jupiter, hợp đồng số 32/2025/VPB-JUPITER ngày 27/06/2025 và các Phụ lục kèm theo. Theo đó, Ngân hàng V đã bán cho Công ty M (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông La Vĩnh T2: Một phần (95%) khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329); toàn bộ khoản nợ phát sinh theo Phụ lục 01 đăng ký cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảo hiểm bảo an chủ thẻ tín dụng ngày 08/7/2024 (kí hiệu số 104-P-8609285) tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đã thông báo về việc Công ty M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng V với tư cách là nguyên đơn, đồng thời xác định lại nguyên đơn trong vụ án dân sự thụ lý số 229/2025/TB-TLVA ngày 23/6/2025 là Công ty M và Ngân hàng V. Bị đơn ông La Vĩnh T2 có địa chỉ tại: P301, khu A, Chung cư P, tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (cũ), nay là P301, khu A, Chung cư P, tổ A, phường C, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017, mục 6.55 Phụ lục tên gọi và phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực; kế thừa quyền và nghĩa vụ trách nhiệm của Tòa án nhân dân khu vực của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 1

Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân, việc kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn từ Ngân hàng V qua Công ty M được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

[2] Bị đơn ông La Vĩnh T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T2.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty M và Ngân hàng V rút yêu cầu đối với khoản nợ phát sinh theo Phụ lục 01 đăng ký cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảo hiểm bảo an chủ thẻ tín dụng ngày 08/7/2024 (kí hiệu số 104-P-8609285) tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ. HĐXX nhận thấy: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với khoản nợ theo Phụ lục 01 đăng ký cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảo hiểm bảo an chủ thẻ tín dụng ngày 08/7/2024 (kí hiệu số 104-P-8609285) tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ.

[4] Về pháp luật nội dung áp dụng: Căn cứ vào nội dung khởi kiện của nguyên đơn thể hiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông La Vĩnh T2 thanh toán số tiền nợ vay theo Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329), giao dịch phát sinh vào năm 2024. Do đó, HĐXX xem xét áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V và Công ty M đối với khoản tiền nợ gốc và nợ lãi:

[4.1] Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329), HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 08/7/2024, giữa ông La Vĩnh T2 và Ngân hàng V có ký kết Hợp đồng cho vay số Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329) để vay số tiền 870.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thẻ tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 117 Bộ luật Dân sự và các Điều 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[4.2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329) thì thời hạn vay số tiền 870.000.000 đồng là 96 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay (ngày 08/7/2024), trả nợ gốc cuối kỳ và lãi đúng hạn vào ngày 15 hàng tháng. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi và các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các cam kết đã ký kết. Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, ông La Vĩnh T2 đã đóng được gốc: 54.728.001 đồng và lãi: 34.894.415 đồng. Tuy khoản vay trên chưa đến hạn, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 đã vi phạm phân kỳ trả nợ và đã chuyển nợ quá hạn vào ngày 16/02/2025.

[4.3] Ngày 27/06/2025, Ngân hàng V đã bán các khoản nợ của khách hàng vay là ông La Vĩnh T2 theo Hợp đồng mua bán nợ 01/2025/VPB-Jupiter và Phụ lục đính kèm. Do đó, việc chuyển giao một phần quyền yêu cầu từ Ngân hàng V sang Công ty M đối với các khoản nợ của ông La Vĩnh T2 phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329) là phù hợp quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự, nên hiện nay Công ty M có quyền yêu cầu đối với 95% khoản nợ vay và Ngân hàng V là 05% khoản nợ của ông T2 theo Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V và Công ty M xác định theo Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329) ông T2 còn nợ Công ty M và Ngân hàng V tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 877.298.654 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 815.271.999 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.641.308 đồng; Nợ lãi quá hạn: 56.385.347 đồng; Cụ thể:

+ Buộc ông La Vĩnh T2 phải thanh toán cho V1 (5%) Nợ khoản vay LN2406212998329 tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/09/2025 là: 43.864.932 đồng (Trong đó Nợ gốc: 40.763.600 đồng; Nợ lãi trong hạn: 282.065 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.819.267 đồng).

+ Buộc ông La Vĩnh T2 phải thanh toán cho Công ty M (95%) Nợ khoản vay LN2406212998329 tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2025 là: 833.433.722 đồng (trong đó Nợ gốc: 774.508.399 đồng, Nợ lãi trong hạn: 5.359.243 đồng và lãi quá hạn: 53.566.080 đồng).

HĐXX xét thấy:

[4.3.1] Việc khởi kiện ông T2 của nguyên đơn để yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329) và khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên HĐXX chấp nhận.

[4.3.2] Bị đơn ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại các hợp đồng cho vay đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty M buộc ông T2 có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 877.298.654 đồng; Trong đó nợ gốc là 815.271.999 đồng; lãi trong hạn là 5.641.308 đồng và lãi quá hạn là 56.385.347

đồng (tạm tính đến ngày 16/9/2025) và lãi tiếp tục tính từ ngày 17/9/2025 cho đến khi ông T2 trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất đã thỏa thuận là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 kèm phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2406212998329), cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên HĐXX chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng V và Công ty M về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông La Vĩnh T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[5.1] Tài sản thế chấp để vay Hợp đồng cho vay số LN2406212998329 ngày 08/07/2024 là 01 chiếc xe ô tô con 5 chỗ ngồi, nhãn hiệu: FORD, số loại: RANGER, số máy: YN2RRX607953, số khung: MPBAMFE60RX607953, màu trắng, biển số đăng ký 43C-295.90; theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 013700 do Phòng C1 – Công an T4 cấp ngày 08/07/2024; đứng tên ông La Vĩnh T2 theo Hợp đồng thế chấp Số LN2406212998329 ký ngày 08/07/2024. Hợp đồng thế chấp này được ký kết dựa trên sự tự nguyện của các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng nên có hiệu lực thi hành theo quy định tại các Điều 117, 298, 317, 401 Bộ luật Dân sự.

[5.2] Vào ngày 12/8/2025 và ngày 18/8/2025, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và đã triệu tập hợp lệ ông La Vĩnh T2 đồng thời yêu cầu ông T2 mang chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu FORD, số loại RANGER RAPTOR, số máy: YN2RRX607953, số khung: MPBAMFE60RX607953, màu trắng, biển kiểm soát: 43C – 295.90 về tại địa chỉ: Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng (cơ sở 2), số C đường C, phường C, thành phố Đà Nẵng để Hội đồng tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên, ông T2 đều vắng mặt không có lý do và không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án.

[5.3] Ông La Vĩnh T2 đã vi phạm thời hạn trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, HĐXX xét thấy: Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng V và Công ty M là có căn cứ phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Hợp đồng thế chấp Số LN2406212998329 ký ngày 08/07/2024 nên cần chấp nhận. Vì vậy, trong trường hợp ông T2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là xe ô tô con 5 chỗ ngồi, nhãn hiệu: FORD, số loại: RANGER, số máy: YN2RRX607953, số khung: MPBAMFE60RX607953, màu trắng, biển số đăng ký 43C-295.90; theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 013700 do Phòng C1 – Công an T4 cấp ngày 08/07/2024 đứng tên ông La Vĩnh T2 được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng V và Công ty M để Ngân hàng và Công ty thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 299, 320, 323 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp ông La Vĩnh T2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V và Công ty M thì Ngân hàng và Công ty phải trả lại cho ông T2: Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43013700 do Phòng C1 – Công an T4 cấp ngày 08/07/2024 đứng tên ông La Vĩnh T2.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M và Ngân hàng V.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông La Vĩnh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $36.000.000 + 03\% \times (877.298.654 - 800.000.000) = 38.318.959$ đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T2 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc ông T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty M số tiền 2.850.000 đồng và cho Ngân hàng V số tiền 150.000 đồng mà Công ty M và Ngân hàng V đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 74, 157, 158, 227, 228, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 298, 299, 317, 320, 323, 365, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông La Vĩnh T2.

2. Buộc ông La Vĩnh T2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 877.298.654 đồng (*Tám trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi tư đồng*), trong đó: nợ gốc là 815.271.999 đồng, lãi trong hạn: 5.641.308 đồng và lãi quá hạn: 56.385.347 đồng, cụ thể:

+ Buộc ông La Vĩnh T2 phải thanh toán cho V1 (5%) Nợ khoản vay LN2406212998329 tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/09/2025 là: 43.864.932 đồng (Trong đó Nợ gốc: 40.763.600 đồng; Nợ lãi trong hạn: 282.065 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.819.267 đồng).

+ Buộc ông La Vĩnh T2 phải thanh toán cho Công ty M (95%) Nợ khoản vay LN2406212998329 tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2025 là: 833.433.722 đồng (trong đó Nợ gốc: 774.508.399 đồng, N lãi trong hạn: 5.359.243 đồng và lãi quá hạn: 53.566.080 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông La Vĩnh T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô con 5 chỗ ngồi, nhãn hiệu: FORD, số loại: RANGER, số máy: YN2RRX607953, số khung: MPBAMFE60RX607953, màu trắng, biển số đăng ký 43C-295.90; theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 013700 do Phòng C1 – Công an T4 cấp ngày 08/07/2024, đứng tên ông La Vĩnh T2 theo Hợp đồng thế chấp Số LN2406212998329 ký ngày 08/07/2024 sẽ được xử lý theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M để Ngân hàng và Công ty thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông La Vĩnh T2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M thì Ngân hàng và Công ty phải trả lại cho ông La Vĩnh T2: Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 013700 do Phòng C1 – Công an T4 cấp ngày 08/07/2024, đứng tên ông La Vĩnh T2.

3. Đình chỉ xét xử đối với khoản nợ theo Phụ lục 01 đăng ký cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảo hiểm bảo an chủ thẻ tín dụng ngày 08/7/2024 (kí hiệu số 104-P-8609285) tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông La Vĩnh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.318.959 đồng (ba mươi tám triệu ba trăm mười tám ngàn chín trăm năm mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 19.090.652 đồng (Mười chín triệu không trăm chín mươi ngàn sáu trăm năm mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0009949 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông La Vĩnh T2 phải hoàn trả cho Công ty Cổ phần M số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.850.000 đồng và hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 150.000 đồng.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS tp. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kiều Trang

